TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M C** **TỈNH ĐIỆNBIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27/5/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M C, TỈNH ĐIỆN BIÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lò Văn Dinh.**

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Tòng Văn Thanh.**

2. Ông: **Nguyễn Văn Hiên.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Quàng Văn Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 23/2025/HNGĐ-ST ngày 01/4/2025 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Quàng Thị T - Sinh năm: 1990 – Có mặt.

Địa chỉ: Bản Huổi Vang, xã M M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Anh Lò Văn C - Sinh năm: 1987 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Bản Huổi Vang, xã M M, huyện M C, tỉnh Điện Biên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Lý A Chía – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện ngày 07/02/2025. Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Quàng Thị T trình bày:**

* Về hôn nhân: Chị và anh Lò Văn C sau khi quen biết và tìm hiểu nhau, muốn được chung sống xây dựng gia đình với nhau, anh chị báo cáo hai bên gia đình, được hai bên gia đình đồng ý, anh chị tiến tới hôn nhân tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương về chung sống với nhau từ năm 2004 nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Cuộc sống chung anh chị thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Cho đến thời gian mấy năm gần đây bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là không tìm được tiếng nói chung như trước, trong cuộc sống sinh

hoạt hàng ngày giữa vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau mỗi lần xảy ra cãi nhau rồi lại dẫn đến xô sát, do chị không thể chịu đựng được đến năm 2022 chị bỏ nhà ra ở riêng và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn sinh hoạt chung, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị không thể tiếp tục chung sống với anh C được nữa, tình cảm vợ chồng không thể hằn gắn, mục đính hôn nhân không đạt được. Vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện M C giải quyết ly hôn cho chị và anh Lò Văn C.

Về con chung; Chị và anh C có hai con chung cháu Lò Văn Thức, sinh ngày 07/5/2006; cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009.

Đối với cháu Lò Văn Thức, hiện cháu đủ tuổi thành niên, đề nghị không xem xét giải quyết, cháu muốn với ai thì tùy cháu. Đối với cháu Lò Văn Lực, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

- **Về tài sản chung**: Anh chị chỉ có một số tài sản trong việc sinh hoạt hàng ngày, nhưng không có giá trị lớn, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 18/4/2025 cũng trong quá trình giải quyết anh trình bày**:

Về hôn nhân: Anh và chị Quàng Thị T sau khi quen biết tìm hiểu, cả hai anh chị báo cáo hai bên gia đình, được sự nhất trí của hai bên gia đình, anh chị tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc địa phương về chung sống với nhau từ đầu năm 2004, anh chị không đăng ký kết hôn với nhau, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ chồng cũng có xảy ra cãi nhau, giữa vợ chồng không tìm được tiếng nói chung như trước và chị T đã bỏ ra ở riêng từ năm 2022 anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, hiện anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, nay chị T đề nghị Tòa án giải giải quyết ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai con chung cháu Lò Văn Thức, sinh ngày 07/5/2006; cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009.

Đối với cháu Lò Văn Thức, hiện cháu đủ tuổi thành niên, đề nghị không xem xét giải quyết, cháu muốn với ai thì tùy cháu. Đối với cháu Lò Văn Lực, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

- **Về tài sản chung**: Anh chị chỉ có một số tài sản trong việc sinh hoạt hàng ngày, nhưng không có giá trị lớn, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Lò Văn Lực. Trường hợp bố mẹ ly hôn với nhau cháu có nguyện vọng sống cùng với bố.

* Tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương quá trình chung sống của chị T và anh C tại bản Huổi Vang, xã M M, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Chị T và anh C về chung sống với nhau hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, hiện anh chị sống ly thân với nhau. Anh C và chị T hiện đều có đủ sức khỏe để lao động sản xuất và đều đang làm ruộng, nương tại địa phương, thu nhập hàng tháng đủ ăn, cả hai anh chị đều có điều kiện nuôi con ngang nhau. Tuy nhiên tại buổi hòa giải ngày 18/4/2025 anh C và chị T đã thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không bi ép buộc, phù hợp với nguyện vọng của cháu Lò Văn Lực.

* Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Lý A Chía trình bày: Ông nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn, không nhất trí với phần trình bày của bị đơn.

- Về hôn nhân: Trong cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng chị Quàng Thị T và anh Lò Văn C đã không còn tìm được tiếng nói chung, giữa vợ chồng không còn tôn trọng nhau, hiện anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, đó thể hiện việc anh chị không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại. Vậy đề nghị áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình và thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị T và anh Lò Văn C.

Về con chung: Anh C và chị T có hai con chung, cháu Lò Văn Thức, sinh ngày 07/5/2006; cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009.

Đối với cháu Lò Văn Thức, hiện cháu đủ tuổi thành niên, đề nghị không xem xét giải quyết, cháu muốn với ai thì tùy cháu. Đối với cháu Lò Văn Lực, đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của cháu.

- **Về tài sản chung**: Anh chị chỉ có một số tài sản trong việc sinh hoạt hàng ngày, nhưng không có giá trị lớn, về phần tài sản chung anh chị sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh chị không nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Quàng Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Quàng Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản Huổi Vang, xã M M, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Lò Văn C có đơn đề nghị Tòa án xem xét, xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án (đề nghị của anh C được thể hiện tại đơn xin xét xử vắng mặt). Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh Lò Văn C là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị Quàng Thị T có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Lò Văn C theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy việc chị Quàng Thị T và anh Lò Văn C về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2004**,** chỉ tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán và không đăng ký kết hôn là có thật. Đến thời điểm chị T có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nay chị Quàng Thị T có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị T và Lò Văn C.

[3]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Lò Văn Thức, sinh ngày 07/5/2006; cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009. Đối với cháu Lò Văn Thức đã đủ tuổi trưởng thành Tòa án không xem xét giải quyết. Xét nguyện vọng của cháu Lực cũng như nguyện vọng của anh C, chị T và tại đơn xác nhận của chính quyền địa phương về điều kiện sinh sống của anh chị, phù hợp với sự thỏa thuận của anh chị tại buổi hòa giải ngày 18/4/2025 anh C và chị T đã thỏa thuận với nhau về người trực tiếp nuôi con, việc anh chị thỏa thuận với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do đó cần ghi nhận sự thỏa thuận của anh Chị, chị T, giao cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009 cho anh Lò Văn C trực tiếp trông nom chăm, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên, có đủ khả năng lao động, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh C.

Chị Quàng Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[4]. Về tài sản chung: Anh chị đều khai không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ: Anh chị đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Những đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là có căn cứ cần được chấp nhận.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 thì chị Quàng Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị Quàng Thị T là dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, chị T xin miễn án phí nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 207; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 69, 70, 71, 81, 82, 83; 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Quàng Thị T và anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Cháu Lò Văn Thức, sinh ngày 07/5/2006, cháu đủ tuổi thành niên, HĐXX không xem xét giải quyết.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Quàng Thị T và anh Lò Văn C như sau:

Giao cháu Lò Văn Lực, sinh ngày 28/02/2009 cho anh Lò Văn C trực tiếp trông nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) và có đủ khả năng lao động. Anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con cùng với anh.

Chị Quàng Thị T được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15 nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho chị Quàng Thị T.

* Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn chị Quàng Thị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 27/5/2025. Bị đơn Lò Văn C vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện MC;
- C cục THADS huyện MC;
- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh